

Bản án số: 820/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2020

V/v “Ly hôn”

NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Thu Hiền

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Liên

2/ Bà PhA Thị Thúy Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Đài TrAg – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:*** Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 472/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị ThAh N– sinh năm 1983; Cư trú tại: đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tiến S– sinh năm 1982; Cư trú tại: đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/5/2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Võ Thị ThAh N trình bày: Bà và ông Nguyễn Tiến S tự nguyện chung sống từ năm 2009, có đăng ký tại Ủy bA nhân dân xã Tân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyền số 01/09 cấp ngày 05/05/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng cư ngụ nhiều nơi tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến khoảng năm 2017 vợ chồng về cư trú tại phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Chung sống một thời giA thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quA điểm sống, ông S không có sự quA tâm chia sẻ với bà trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Mặc dù cả hai vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông S, hôn nhân không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Đức K, sinh ngày: 29/9/2013 và Nguyễn Đức A, sinh ngày 04/5/2015. Ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ K và trẻ A, không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con. Hiện nay bà làm nghề kế toán có thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Võ Thị Thanh N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ Nguyễn Đức K, sinh ngày: 29/9/2013 và Nguyễn Đức A, sinh ngày 04/5/2015. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ K và trẻ A, không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con. Hiện nay bà làm nghề kế toán có thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến S vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng từ khi vụ án được thụ lý cũng như tại phiên Tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Tiến S có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Ngày 07/9/2020, Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự đến để tham gia xét xử nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa đồng thời thông báo cho các đương sự sẽ mở lại phiên tòa vào ngày 28/9/2020 nhưng bị đơn vẫn không đến tham gia phiên tòa mà không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207; khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyền số 01/09 do Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 05/05/2009 thể hiện hôn nhân giữa bà Võ Thị Thanh N và ông Nguyễn Tiến S là hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N yêu cầu ly hôn với ông S. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhằm tạo dựng hạnh phúc gia đình nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông S phát sinh mâu thuẫn mà theo bà N trình bày là do bất đồng quan điểm sống, ông S không có sự quan tâm chia sẻ với bà trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong toàn bộ quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông S đều không có mặt để tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến cũng như quan điểm về vụ án. Qua đó cũng đã chứng minh rằng ông S không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà N là có cơ sở, phù hợp với pháp luật và thực tế để các bên ổn định đời sống.

[2.1.2] Về con chung: Bà N, ông S có 02 con tên Nguyễn Đức K, sinh ngày: 29/9/2013 và Nguyễn Đức A, sinh ngày 04/5/2015 hiện đang sống chung với bà N và ông S. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét trẻ K và trẻ A hiện nay còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Ngoài ra, ông S không đến Tòa trình bày ý kiến về việc nuôi con chung. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ K và trẻ A cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con.

[2.1.3] Về tài sản chung: Bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.1.4] Về nợ chung: Bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh N về việc “Ly hôn”.
2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thanh N được ly hôn ông Nguyễn Tiến S.

3. Về con chung: Bà N và ông S có 02 con chung Nguyễn Đức K, sinh ngày: 29/9/2013 và Nguyễn Đức A, sinh ngày 04/5/2015. Giao trẻ K và trẻ A cho bà Võ Thị

Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông S do bà N không yêu cầu.

Quyền thăm nom, chăm sóc con chung và các quyền, lợi ích chính đáng liên quan đến việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con được pháp luật ghi nhận và bảo vệ tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Võ Thị Thanh N nộp nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0016438 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà N đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Thu Hiền